TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS - ST
Ngày 18 tháng 4 năm 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Đặng M Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 141/2022/TLST - DS, ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXX-ST ngày 10/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số /2023/QĐST-DS ngày 01/3/2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà số 01/TB-TA ngày 22/3/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Lê Văn M, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số nhà 1136, đường Lê Lợi, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Hùng M, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ dân phố Quyết Thắng, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị An Bình, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 09, đường Hoàng Văn Thụ, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê Văn M vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng có văn bản trình bày như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên ông M có cho ông Nguyễn Hùng M vay số tiền là 400.000.000 đồng, hình thức cho vay là chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bắc Giang II, phòng giao dịch Dĩnh Kế vào số tài khoản số 107000503074 của ông Nguyễn Hùng M. Do chơi thân với nhau và tin tưởng nhau nên hai bên không lập hợp đồng vay. Lãi suất thoả thuận ngoài là 1,5%/tháng. Quá trình vay, ông M đã trả lãi cho ông M 2 lần, lần 1 là 20.000.000đ; lần 2 là 24.000.000đ; tổng cộng là 44.000.000đ đều không lập biên bản giao nhận.

Đến ngày 14/9/2021, ông M và ông M có lập 01 biên bản thỏa thuận về việc thanh toán khoản nợ trên. Ông M đã trả cho ông M số tiền 200.000.000 đồng và hẹn đến ngày 01/5/2022 sẽ trả cho ông M hết số tiền 200.000.000 đồng còn lại. Tiếp tục đến ngày 16/5/2022, ông M trả cho ông M số tiền 100.000.000 đồng; ngày 01/9/2022 ông M trả cho ông M số tiền 20.000.000đồng, ông M còn nợ ông M số tiền là 80.000.000 đồng. Từ ngày 01/9/2022, ông M đã yêu cầu ông M phải trả cho cho ông M số tiền 80.000.000đồng nhiều lần nhưng ông M cứ khất nợ.

Nay ông M đề nghị Tòa án buộc ông M phải trả cho ông M số tiền nợ gốc còn lại là 80.000.000đồng. Ông M không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 80.000.000đ. Đề nghị Toà án tuyên tính lãi theo quy định pháp luật kể từ khi ông M có đơn yêu thi hành án.

Bị đơn ông Nguyễn Hùng M do bà Võ Thị An Bình vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xử vắng mặt) nhưng có lời khai trình bày như sau:

Ông M không đồng ý trả cho ông M số tiền 80.000.000 đồng với lý do: Giao dịch giữa ông M và ông M không phải là giao dịch vay tài sản mà thực chất là ông M đã góp vốn cho ông M để cùng nhau mua nhà đất của bà Nguyễn Thị Hương và ông Đoàn Văn Thu ở thôn Nội Ninh, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang để bán kiếm lời. Ông M và ông M đồng ý trả trước cho ông Thu và bà Hương số tiền 1 tỷ đồng. Trong số tiền 1 tỷ đồng trả cho bà Hương thì ông M góp số tiền 400.000.000 đồng. Ông M chuyển tiền vào tài khoản ông M để ông M đưa cho bà Hương.

Ngày 22/8/2019, sau khi ông M giao cho bà Hương số tiền 1 tỷ đồng thì các bên cùng nhau đến Văn phòng công chứng Tân Thành làm Hợp đồng chuyển

nhượng. Vợ chồng ông M là bên mua còn ông M là người làm chứng. Ông M giao nốt cho bà Hương số tiền 1 tỷ đồng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông M giao cho ông M giữ. Đến khi ông M và ông M hoàn thiện giấy tờ và gửi thủ tục ra bộ phận một cửa thì lúc này ông M mới biết thửa đất 470 tờ bản đồ số 7 tại địa chỉ thôn Nội Ninh, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang mà các bên đã ký Hợp đồng chuyển nhượng với bà Hương, ông Thu không có tài sản trên đất là ngôi nhà biệt thự như bà Hương giao bán ban đầu.

Ông M có quan điểm: Khi nào ông M đòi được tiền của bà Hương thì ông M sẽ có trách nhiệm hoàn trả số tiền góp mua chung quyền sử dụng đất còn lại là 80.000.000 đồng cho ông M.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xử vắng mặt đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn M đối với bị đơn ông Nguyễn Hùng M.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông M phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của ông M được Toà án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1]. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo như quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn có địa chỉ tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Ông M cho rằng số tiền 400.000.000 đồng mà ông chuyển khoản cho ông M là số tiền ông M cho ông M vay lãi. Ông M

không thừa nhận số tiền trên là tiền vay mà cho rằng tiền trên là tiền ông M góp cho ông M để buôn bán bất động sản.

Hội đồng xét xử xét thấy việc ông M chuyển tiền cho ông M là có thật. Ông M cho rằng đây không phải là quan hệ cho vay mà là góp vốn kinh doanh bất động sản. Tuy nhiên, ông M không chứng M được đây là quan hệ góp vốn kinh doanh. Do vậy, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] *Về thời hiệu khởi kiện:* Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng: Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định còn thời hiệu khởi kiện.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông M phải trả cho ông M số tiền gốc vay là 80.000.000đ. Ông M không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên, chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ khi ông M có đơn yêu cầu thi hành án.

Xét thấy: Căn cứ giấy tờ sao kê chuyển khoản và căn cứ biên bản thoả thuận ngày 04/9/2021 thì ông M có cho ông M vay số tiền 400.000.000đ. Quá trình vay, ông M đã trả cho ông M được số tiền 320.000.000đ. Còn lại số tiền 80.000.000đ thì ông M chưa trả được. Ông M không thừa nhận số tiền trên là tiền vay nhưng thừa nhận có nhận của ông M số tiền 400.000.000đ. Nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, buộc ông M trả cho ông M số tiền 80.000.000đ.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông M phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của ông M được Toà án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 238, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn M đối với bị đơn ông Nguyễn Hùng M.

Buộc ông Nguyễn Hùng M phải trả cho ông Lê Văn M số tiền 80.000.000đ *(Tám mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hùng M phải chịu 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng).* Hoàn trả ông Lê Văn M số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* tạm ứng án phí ông M đã nộp tại Biên lai số 0001767 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

4. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- VKSND TP Bắc Giang;
- CCTHA-DS TP Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường